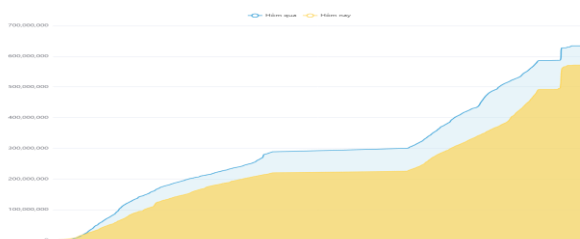


## THÔNG KÊ THỊ TRƯỜNG

|                           | HSX      | HNX    |
|---------------------------|----------|--------|
| <b>Giá đóng cửa</b>       | 1.283,87 | 237,56 |
| <b>Thay đổi</b>           | 2,40     | -0,32  |
| <b>Thay đổi %</b>         | 0,19%    | -0,13% |
| <b>KLGD (Triệu CP)</b>    | 533,7    | 53,2   |
| <b>GTGD (Tỷ)</b>          | 13.490   | 1.129  |
| <b>Độ rộng thị trường</b> |          |        |
| CP tăng giá               | 202      | 78     |
| CP giảm giá               | 180      | 84     |
| CP tham chiếu             | 101      | 60     |
| <b>P/E</b>                | 16,58    | 13,91  |
| <b>P/B</b>                | 1,47     | 1,74   |

Thanh khoản HSX



Nguồn: Fireant

Chỉ số phái sinh

| Phái sinh | Đóng cửa | Thay đổi     | Basis | OI    |
|-----------|----------|--------------|-------|-------|
| VN30      | 1.331,5  | 4,85         | -1,18 |       |
| VN30F1M   | 1332,7   | 5.90 (0.44%) |       | 52053 |



Nguồn: Fireant

## XU HƯỚNG DÒNG TIỀN

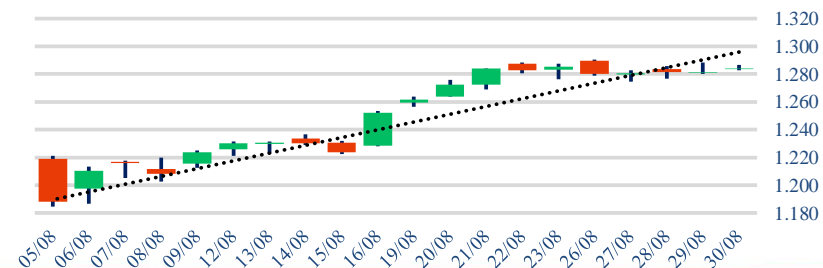
-VN-Index đã khép lại phiên giao dịch với mức tăng 2,4 điểm (+0,19%) lên 1.283,87 điểm. Tương tự như các phiên giao dịch trước, lực cầu mạnh mẽ xuất hiện vào phiên sáng nhưng lại yếu đi vào phiên chiều, dẫn đến việc chỉ số đóng cửa ở mức gần với giá tham chiếu. Tuy nhiên, điểm tích cực là độ rộng của thị trường đã bắt đầu nghiêng về phía mua với 202 mã tăng và 180 mã giảm.

- Hóa chất và ngân hàng là hai nhóm ngành tăng điểm và góp phần hỗ trợ thị trường. Các mã tăng nổi bật như là VCB(+0,22%), TCB(+1,52%) và DGC(+2,16%). Việc tăng này chủ yếu đến từ sự luân chuyển dòng tiền khi thanh khoản thấp vẫn đang là điều đáng lo ngại.

- Ở chiều ngược lại, áp lực bán lớn khiến các cổ phiếu ngành thép giảm mạnh như là HPG(-0,39%), NKG(-1,36%). Nguyên nhân có thể đến từ việc giá thép tại Trung Quốc liên tục giảm và nguy cơ suy thoái của ngành thép Trung Quốc sẽ trở nên tồi tệ hơn.

- Khỏi ngoại mua ròng với giá trị 61,92 tỷ tập trung vào cổ phiếu FPT, MWG và FRT. Ở chiều ngược lại, HPG, VPB và VCI là những cổ phiếu bị bán nhiều nhất trong phiên hôm nay.

Biểu đồ VN-Index 1 tháng



## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

- VN-Index tiếp tục đóng phiên với nền doji. Lực cung vẫn xuất hiện tại vùng kháng cự và chưa có xu hướng giảm dần. Bên cạnh đó lực cầu thì lại dè dặt trước kỳ nghỉ lễ dài khiến cho xu hướng giằng co vẫn tiếp diễn sau 1 tuần giao dịch. Việc điểm số tăng nhẹ nhưng lực cầu lại giảm là điều đáng lo ngại cho thị trường sau kỳ nghỉ lễ nếu không có thêm một động lực nào. Vùng hỗ trợ gần nhất của VN-Index là vùng 1.260 - 1.270 điểm

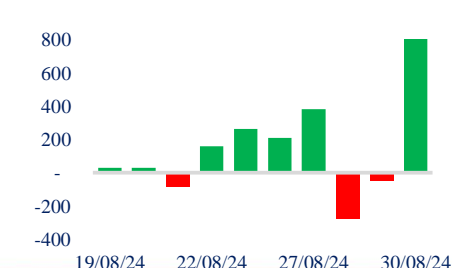
## CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH

Nhà đầu tư cơ cấu danh mục, chốt lời một phần đối với những cổ phiếu đầu cơ, có thể cơ cấu sang cổ phiếu có sự an toàn hơn. Tỷ trọng khuyến nghị 70 – 80% danh mục.

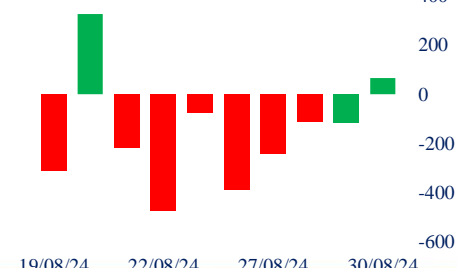
- Kịch bản 1 (50%): VN-Index điều chỉnh xuống vùng 1.260 - 1.270 điểm

- Kịch bản 2 (50%): VN-Index vượt kháng cự 1.290 điểm.

Giao dịch tự doanh 10 phiên HSX



Giao dịch nước ngoài 10 phiên HSX

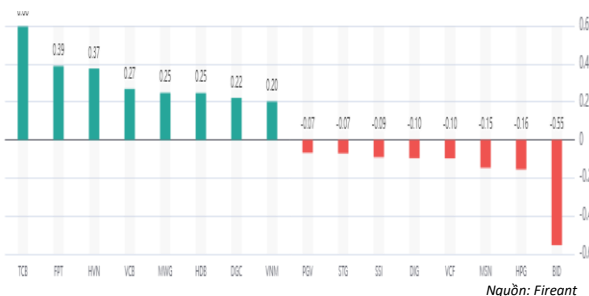


Tăng giảm nhóm ngành

| Ngành                         | Ngày   | Tháng  |
|-------------------------------|--------|--------|
| Dầu khí                       | -0,22% | 1,46%  |
| Hóa chất                      | 0,52%  | 2,34%  |
| Tài nguyên Cơ bản             | -0,32% | -7,71% |
| Xây dựng và Vật liệu          | 0,06%  | -1,36% |
| Hàng & Dịch vụ Công nghiệp    | -0,01% | -1,60% |
| Ô tô và phụ tùng              | -0,06% | -4,15% |
| Thực phẩm và đồ uống          | -0,09% | 4,92%  |
| Hàng cá nhân & Gia dụng       | 0,45%  | 1,53%  |
| Y tế                          | 1,06%  | -1,77% |
| Bán lẻ                        | 0,99%  | 9,39%  |
| Truyền thông                  | -0,92% | -3,33% |
| Du lịch và Giải trí           | 1,60%  | -1,92% |
| Điện, nước & xăng dầu khí đốt | -0,20% | 3,15%  |
| Ngân hàng                     | 0,21%  | 4,17%  |
| Bảo hiểm                      | 0,42%  | 2,32%  |
| Bất động sản                  | 0,11%  | 5,10%  |
| Dịch vụ tài chính             | -0,02% | 5,17%  |
| Công nghệ Thông tin           | 0,69%  | 3,09%  |



Top cổ phiếu ảnh hưởng chỉ số



Top NN mua ròng HSX

| Mã       | Đóng cửa | Thay đổi     | KLGD      |
|----------|----------|--------------|-----------|
| FPT      | 134,8    | 1,10 / 0,82% | 3.379.800 |
| MWG      | 69,8     | 0,70 / 1,01% | 6.408.100 |
| UEVFN    | 33,55    | 0,13 / 0,39% | 1.522.900 |
| FRT      | 181,7    | 1,70 / 0,94% | 501.800   |
| FUESSVFI | 21,06    | 0,05 / 0,24% | 1.574.300 |

Top NN bán ròng HSX

| Mã  | Đóng cửa | Thay đổi       | KLGD       |
|-----|----------|----------------|------------|
| HPG | 25,5     | -0,10 / -0,39% | 18.554.700 |
| VPB | 18,95    | 0,00 / 0,00%   | 12.969.502 |
| VCI | 46,45    | 0,15 / 0,32%   | 6.341.500  |
| VRE | 19,2     | -0,05 / -0,26% | 7.658.100  |
| DGC | 113,7    | 2,40 / 2,16%   | 4.097.700  |

Giao dịch cổ đông lớn và nội bộ

| Mã  | Tên               | Vị trí                                     | Ngày       | Đăng ký | Khối lượng |
|-----|-------------------|--|------------|---------|------------|
| APG | Nguyễn Thanh Nghị | Phụ trách Công bố thông tin/Kế toán trưởng | 29/08/2024 | Mua     | 1.000.000  |
| GEX | Lê Bá Thọ         | Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị             | 29/08/2024 | Mua     | 800.000    |
| GEX | Lê Việt Hà        | Phụ trách quản trị công ty                 | 29/08/2024 | Mua     | 105.000    |
| GEX | Lê Tuấn Anh       | Phó Tổng Giám đốc                          | 29/08/2024 | Mua     | 273.000    |
| GEX | Hoàng Hưng        | Kế toán trưởng                             | 29/08/2024 | Mua     | 34.000     |

TIN TỨC

Trong nước

[Hải Phòng dồn lực nâng tầm kinh tế số](#)  
[Bộ Tài chính đề xuất siết điều kiện xác định nhà đầu tư chuyên nghiệp](#)  
[Đơn hàng dệt may từ nay đến cuối năm sẽ tăng](#)

Doanh nghiệp

[TDC: Lập tức lên tiếng về nghi ngờ khả năng hoạt động liên tục](#)  
[GEG: huy động 500 tỷ đồng qua kênh trái phiếu](#)  
[SJE: Doanh thu nghìn tỷ của Sông Đà 11 đến từ đâu?](#)

TIN TỨC

Thế giới

[Lạm phát tại Đức vượt kỳ vọng của nhiều nhà kinh tế](#)  
[Nhiều ngân hàng Trung Quốc ngừng giao dịch với Nga](#)  
[Doanh nghiệp Nhật Bản lo ngại thép giá rẻ từ Trung Quốc](#)

Hàng hóa

['Cháy hàng' vàng nhẫn 9999 ở Hà Nội](#)  
[Giá vàng vẫn miết mài tìm đỉnh](#)  
[Nghỉ lễ 2/9, giá vé máy bay có tăng "kích trần"?](#)

Top 10 khối lượng giao dịch HSX

| Rank | Mã  | Khối lượng giao dịch | Thay đổi |
|------|-----|----------------------|----------|
| 1    | VIX | 42.982.100           | 0,00%    |
| 2    | DIG | 32.324.200           | -2,73%   |
| 3    | EIB | 23.681.800           | 1,64%    |
| 4    | HPG | 18.554.700           | -0,39%   |
| 5    | HDB | 14.693.000           | 1,28%    |
| 6    | NVL | 14.655.600           | -0,38%   |
| 7    | TCB | 13.446.303           | 1,52%    |
| 8    | VPB | 12.969.502           | 0,00%    |
| 9    | PC1 | 12.263.900           | -0,18%   |
| 10   | PDR | 11.750.000           | 0,47%    |

Giá hàng hóa

|              | Đóng cửa | Thay đổi | %      |
|--------------|----------|----------|--------|
| Vàng         | 2462,8   | -0,50    | -0,02% |
| Bạc          | 27,52    | -0,08    | -0,29% |
| Đồng         | 4,0395   | 0,08     | 2,03%  |
| Dầu thô      | 0,14     | 0,00     | -0,68% |
| Dầu Brent    | 79,25    | 0,09     | 0,11%  |
| Khí Tự nhiên | 2,172    | 0,05     | 2,12%  |
| Khí đốt      | 2,3624   | 0,00     | 0,20%  |
| Đường        | 18,61    | 0,04     | 0,22%  |
| Heo nạc      | 73,55    | -1,02    | -1,37% |
| Cà phê       | 237,5    | -1,85    | -0,77% |

Tỷ giá hối đoái

|         | Thay đổi | Tỷ giá NHNN |                     |
|---------|----------|-------------|---------------------|
|         |          | Mua         | Bán                 |
| USD/VND | 24680    | 0,08%       | USD 23.400 / 25.385 |
| EUR/VND | 26865    | -0,32%      | EUR 25.499 / 28.183 |
| GBP/VND | 31919    | -0,32%      | GBP 30.299 / 33.488 |
| USD/VND | 166,00   | 0,00%       | JPY 159 / 176       |
| AUD/VND | 28627    | -0,65%      | CHF 27.171 / 30.032 |

## Danh mục khuyến nghị theo Phân tích kỹ thuật

| STT | Mã cổ phiếu | Giá hiện tại | Giá mua | Ngày mua   | Giá mục tiêu | Giá cutloss | % Lãi/Lỗ | Trạng thái khuyến nghị |
|-----|-------------|--------------|---------|------------|--------------|-------------|----------|------------------------|
| 1   | VPB         | 18,95        | 18,5    | 21/08/2024 | 20           | 17,0        | 2,4%     | Mua                    |

## Danh mục khuyến nghị theo Phân tích cơ bản

| STT | Mã cổ phiếu | Giá hiện tại | Giá mua | Ngày mua   | Giá mục tiêu | Giá cutloss | % Lãi/Lỗ | Trạng thái khuyến nghị |
|-----|-------------|--------------|---------|------------|--------------|-------------|----------|------------------------|
| 1   | VHC         | 73,6         | 70      | 27/02/2024 | 83,8         | 69          | 5,1%     | Nắm giữ                |
| 2   | FMC         | 48,15        | 48,3    | 27/02/2024 | 53,7         | 45          | -0,3%    | Nắm giữ                |
| 3   | MWG         | 69,8         | 46,7    | 13/03/2024 | 67           | 44          | 49,5%    | Nắm giữ                |
| 4   | DPR         | 42,2         | 40      | 28/06/2024 | 48           | 38          | 5,5%     | Nắm giữ                |
| 5   | TCB         | 23,35        | 21,85   | 20/08/2024 | 26,2         | 20,8        | 6,9%     | Nắm giữ                |
| 6   | IDC         | 60,6         | 61,8    | 20/08/2024 | 66           | 58,5        | -1,9%    | Nắm giữ                |
| 7   | REE         | 68,6         | 69,9    | 21/08/2024 | 79           | 65,5        | -1,9%    | Nắm giữ                |
| 8   | HAH         | 41,25        | 42      | 22/08/2024 | 48           | 40          | -1,8%    | Nắm giữ                |
| 9   | PNJ         | 102,2        | 108     | 23/08/2024 | 127          | 101         | -5,4%    | Nắm giữ                |
| 10  | VGT         | 14,8         | 15,3    | 24/08/2024 | 17,5         | 14,4        | -3,3%    | Nắm giữ                |

## Danh mục đã khuyến nghị theo Phân tích kỹ thuật

| STT | Mã cổ phiếu | Giá bán | Giá mua | Ngày bán   | Giá mục tiêu | Giá cutloss | % Lãi/Lỗ | Trạng thái khuyến nghị |
|-----|-------------|---------|---------|------------|--------------|-------------|----------|------------------------|
| 1   | BSR         | 23,9    | 24,1    | 16/08/2024 | 26           | 24,5        | 0,8%     | Chốt lời               |
| 2   | IDI         | 10      | 9,26    | 16/08/2024 | 10,4         | 8,8         | 8,0%     | Chốt lời               |
| 3   | PNJ         | 105     | 101     | 19/08/2024 | 115          | 95,0        | 4,0%     | Chốt lời               |
| 4   | PDR         | 21,9    | 19,4    | 20/08/2024 | 24           | 18          | 12,9%    | Chốt lời               |

## Danh mục đã khuyến nghị theo Phân tích cơ bản

| STT | Mã cổ phiếu | Giá bán | Giá mua | Ngày bán   | Giá mục tiêu | Giá cutloss | % Lãi/Lỗ | Trạng thái khuyến nghị |
|-----|-------------|---------|---------|------------|--------------|-------------|----------|------------------------|
| 1   | MBB         | 22,6    | 18      | 22/04/2024 | 27           | 16          | 25,6%    | Chốt lời               |
| 2   | KBC         | 28      | 31,1    | 19/04/2024 | 41           | 28          | -10%     | Cắt lỗ                 |
| 3   | GMD         | 82      | 69      | 24/06/2024 | 84           | 67          | 18,8%    | Chốt lời               |
| 4   | PVS         | 40,6    | 37      | 19/04/2024 | 41           | 28          | 10%      | Chốt lời               |
| 5   | FRT         | 181,9   | 100     | 10/07/2024 | 177          | 95          | 81,9%    | Chốt lời               |
| 6   | HPG         | 25,45   | 25,3    | 06/02/2024 | 32           | 26,5        | 0,6%     | Bán                    |
| 7   | PVD         | 26,7    | 29,75   | 26/04/2024 | 38           | 26,5        | -10,3%   | Cắt lỗ                 |

**HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ CỦA VIETFIRST**

Hệ thống khuyến nghị của VFS được xây dựng dựa trên sự chênh lệch giữa giá cổ phiếu thị trường tại thời điểm đánh giá và giá mục tiêu 12 tháng

| Hệ thống khuyến nghị | Diễn giải  |
|----------------------|--|
| <b>MUA</b>           | Nếu giá mục tiêu cao hơn giá thị trường từ 15% trở lên |
| <b>THEO DÕI</b>      | Nếu giá mục tiêu cao hơn giá thị trường từ 5 – 15%     |
| <b>NẮM GIỮ</b>       | Nếu giá mục tiêu cao hơn giá thị trường không quá 5%   |
| <b>BÁN</b>           | Nếu giá mục tiêu thấp hơn giá thị trường tối thiểu 5%  |

**© CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẤT VIỆT (VFS)****Hội sở Hồ Chí Minh**

Lầu 1 117 - 119 - 121 Nguyễn Du P, Bến Thành Q, 1 Thành phố HCM

Điện thoại: **(84-8) 62556586** Fax: **(84-8) 62556580**

Website: [www.vfs.com.vn](http://www.vfs.com.vn)

**Chi nhánh Hà Nội**

Tầng 5, Số 37 Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: **(84-4) 39288222** Fax: **(84-4) 39338222**

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Bản quyền thuộc về Công ty CP Chứng khoán Nhất Việt (VFS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và VFS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của VFS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của VFS.

**THÔNG TIN LIÊN HỆ**

|                          |  |
|--------------------------|--|
| <b>Nguyễn Minh Hoàng</b> | Giám đốc phòng phân tích<br><a href="mailto:hoang.nguyenminh@vfs.com.vn">hoang.nguyenminh@vfs.com.vn</a> |
| <b>Nguyễn Hoàng Long</b> | Chuyên viên phân tích<br><a href="mailto:long.nguyen@vfs.com.vn">long.nguyen@vfs.com.vn</a>              |
| <b>Nguyễn Thị Mai</b>    | Chuyên viên phân tích<br><a href="mailto:mai.nguyen@vfs.com.vn">mai.nguyen@vfs.com.vn</a>                |
| <b>Nguyễn Thị Huyền</b>  | Chuyên viên phân tích<br><a href="mailto:huyen.nguyen@vfs.com.vn">huyen.nguyen@vfs.com.vn</a>            |
| <b>Nguyễn Anh Quân</b>   | Chuyên viên phân tích<br><a href="mailto:quan.nguyen@vfs.com.vn">quan.nguyen@vfs.com.vn</a>              |